

TT	ng ph	o n ng		M c giá (/m2)				
		T	n	M t ng chính	ng nhánh có chi u r ng t 3 m tr lên	ng nhánh có chi u r ng t 2m n d i 3 m	ng nhánh (ngõ) có chi u r ng nh h n 2m	Khu còn l i
1	ng Tr n H ng o	Ngã 3 c t ng h	Ngã 4 Loong Toong (ph i tuy n: H t th a 22 t B s 3)	21,000,000				
2	Khu t xây kho than 3	Tr n khu (c ng Gi ng n)		15,000,000	(Tr tám ng Tr n H ng o)			
3	ng bê tông	Sau B o Minh	ng Cao Th ng	6.000.000				
4	Phía sau ng Gi ng n				2.000.000	1.000.000	700,000	500,000
5	ng Tr n Nguyên Hân và ng vào UB c	ng Tr n H ng o	Nhà tr c	6.000.000	2.400.000	1.200.000	800,000	500,000
5.1		Nhà tr c	Nhà tr liên c	5.000.000	2.000.000	1.000.000	700,000	500,000
6	ng Tr n Nh t Du t	ng Tr n H ng o	H t 5 t ng lô 8	6.000.000	2.400.000	1.200.000	800,000	500,000
6.1		H t 5 t ng lô 8	H t nhà tr liên c	5.000.000	2.000.000	1.000.000	700,000	500,000
7	ng Tô Hi n Thành	Tr n H ng o	H t ch	12,000,000	4,800,000	2,400,000	900,000	600,000
8	Khu t xây v n rau Y t Kiêu		Khu A	8,000,000				
8.1			Khu C, D	7,000,000				
9	ng liên ph ng B ch ng, Tr n H ng o	Nhà tr liên c	Giáp Y t Kiêu	2.000.000	800,000	600,000	550,000	500,000

TT	ng ph	o n ng		M c giá (/m2)				
		T	n	M t ng chính	ng nhánh có chi u r ng t 3m tr lên	ng nhánh có chi u r ng t 2m n d i 3m	ng nhánh (ngõ) có chi u r ng nh h n 2m	Khu còn l i
10	ng Cao Th ng	Công an Thành ph	Ngã 3 Công an C u Ho	15.000.000	4.800.000	2.400.000	950.000	600.000
11	ng Tu T nh	Chân d c	Ngã 3 ch nh hình	4.000.000	1.600.000	800.000	600.000	500.000
11.1			Ngã 3 Tr ng y(c)	2.000.000	800.000	600.000	550.000	500.000
12	ng vào D ch t	Ph Tu t nh	C ng D ch t	2.000.000	800.000	600.000	550.000	500.000
12.1			H t Tr m xá tuy n than (c)			400 000	350.000	300.000
13	ng liên ph ng B ch ng, Tr n H ng o	ng Cao Th ng	Giáp B ch ng	5.000.000	2.000.000	1.000.000	700.000	500.000
14	Khu tái nh c 5 t ng	Tr n khu		7.000.000				
15	Khu dân c bám ng khu tái nh c 5 t ng			7.000.000	2.000.000	1.000.000	800.000	
16	Khu v c phía sau Nhà Hàng H ng Lan		(Tr n khu)			2 400 000		

Ghi chú:

1. Các th a t có v trí góc bám t 2 m t ng tr lên trong ó có ít nh t 2 m t ng r ng t 3 m tr lên thì giá tính b ng 1,2 l n giá t (m c giá cao nh t c a m t ng ti p giáp v i th a t) theo v trí quy nh t i b ng giá này.

2. i v i th a t bám ng có chênh cao (ho c th p h n) so v i m t ng (tính t ch gi i XD tr vào):

- T 2m n d i 3m giá t b ng 80% giá t quy nh cùng v trí, cùng khu v c t i b ng giá này.

- T 3m tr lên giá t b ng 70% giá t quy nh cùng v trí, cùng khu v c t i b ng giá này.